

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày 18-9-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thiện

Bà Mai Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuỳ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Minh N**; nơi cư trú: **P tập thể G, phường G, quận B, thành phố Hà Nội**, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D**; nơi cư trú: **Số A T, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Trần Minh N** trình bày: Chị và bị đơn là anh **Nguyễn Văn D** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường G, quận B, thành phố Hà Nội** vào năm 2020. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc. Sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn

do bất đồng về tính cách, quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng và tôn trọng nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh **D** không tu chí làm ăn, không chăm lo gia đình, có máu cờ bạc, bị xã hội đen liên hệ đòi tiền nhiều lần đe dọa làm chị tâm lý hoang mang lo sợ. Khoảng thời gian này chị và anh **D** cũng ngồi lại với nhau để giải quyết vấn đề, hai bên cố gắng thay đổi, nhường nhịn nhau để giữ gìn hạnh phúc gia đình cho con cái đầy đủ bố mẹ. Mặc dù vậy nhưng không cải thiện được. Mâu thuẫn của anh chị ngày càng trở nên trầm trọng. Hiện chị và anh **D** sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm gì đến nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn, chị đề nghị Hội đồng xét xử cho chị được ly hôn với anh **Nguyễn Văn D**.

Về con chung: Chị và anh **D** có 01 con chung Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 20/5/2021. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Như Ý cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản, Quyết định, Thông báo của Tòa án cho anh **Nguyễn Văn D** nhưng anh **Nguyễn Văn D** không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng trình tự tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, của Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Trần Minh N** và anh **Nguyễn Văn D**.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 20/5/2021 cho chị **Trần Minh N** trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về tài sản chung: Chị **Trần Minh N** không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Chị **Trần Minh N** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh **Nguyễn Văn D** hiện cư trú tại địa chỉ: **Số A T, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng** nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh **Nguyễn Văn D** vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, chị **Trần Minh N** có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về điều kiện kết hôn: Chị **Trần Minh N** và anh **Nguyễn Văn D** có đăng ký kết hôn ngày 17/12/2020 tại Ủy ban nhân dân phường G, quận B, thành phố Hà Nội vào năm 2020 (Giấy chứng nhận kết hôn số 127/2020) trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp được quy định tại các điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị **Trần Minh N**; các tài liệu xác minh thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử đã công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định chị **Trần Minh N** và anh **Nguyễn Văn D** trong quá trình chung sống không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị **Trần Minh N** và anh **Nguyễn Văn D** trên thực tế đã không còn, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị **Trần Minh N** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn D** là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế và phù hợp với các quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị **Trần Minh N** và anh **Nguyễn Văn D** có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 20/5/2021, chị **Trần Minh N** đề nghị được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Như Ý là phù hợp được quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Giao con chung Nguyễn Ngọc Như Ý cho chị **Trần Minh N** trực tiếp nuôi con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Trần Minh N** không yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Chị **Trần Minh N** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị **Trần Minh N** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Trần Minh N** và anh **Nguyễn Văn D**.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 20/5/2021 cho chị **Trần Minh N** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị **Trần Minh N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị **Trần Minh N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị **Trần Minh N** phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo biên lai thu tiền số 0005631 ngày 07 tháng 6 năm 2024. Chị **Trần Minh N** đã nộp đủ tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo: Chị **Trần Minh N** và anh **Nguyễn Văn D** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- UBND phường Giảng Võ,
quận Ba Đình TP Hà Nội
(GCNKH số 127 ngày 17/12/2020);
- Chi cục THA dân sự quận Hải An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Sơn Thị Nhân